TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2018/HS-PT
Ngày: 23/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Sáng.

Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hữu Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 23/01/2018 tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 642/2017/TLPT-HS ngày 22 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo bị cáo Võ Trọng A và Huỳnh Văn T;

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HSST ngày 25/09/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Võ Trọng A, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Khoa B và bà Võ Thị T có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo được tại ngoại (có mặt).

2. Huỳnh Văn T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: lái xe nâng; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn

giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn G và bà Lê Thị Đ; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 20/6/2017 đến 04/8/2017.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án này còn có 06 bị cáo khác, nhưng không kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo; nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, hành vi phạm tội của bị cáo Võ Trọng A và bị cáo Huỳnh Văn T được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Thực phẩm quốc tế G (gọi tắt là Công ty G), địa chỉ tại Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Long An, có vốn đầu tư 99,2% của Đài Loan. Ngành nghề kinh doanh sản xuất, chế biến, gia công các loại trái cây, rau củ quả, nông sản các loại.

Quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm thạch dừa và nha đam, Công ty G quy định độ đường trong sản phẩm được phép dao động trong một khoảng nhất định. Lợi dụng quy định này, Võ Trọng A là tổ trưởng tổ điều lý, pha chế nước đường sản xuất nha đam và Hồ Quốc T là tổ trưởng tổ điều lý, pha chế nước đường sản xuất thạch dừa, sử dụng đường cát nguyên liệu pha chế theo tỷ lệ độ đường thấp trong giới hạn quy định, nhưng báo cáo trong giấy tờ sổ sách công ty là pha chế theo tỷ lệ độ đường cao trong giới hạn quy định. Từ đó, đường cát nguyên liệu trong quá trình pha chế dư ra mỗi ngày khoảng từ 70kg đến 100kg.

Đến tháng 9/2016, lượng đường cát nguyên liệu (dạng nước đường) trong bồn điều lý do Ân quản lý dư khoảng 7-8 tấn và trong bồn điều lý do T quản lý dư khoảng 03 tấn, A và T nảy sinh ý định chiếm đoạt số đường dư đem bán lấy tiền.

A và T đến gặp Châu Thanh P là thủ kho bao bì phụ liệu của Công ty G bàn bạc, thống nhất: T và A mỗi người tiếp tục tích lũy đường cát, khi nào lượng đường cát nguyên liệu dư được 25 tấn bằng một container đường cát nhập về công ty thì hợp thức hóa giấy tờ, sổ sách bằng cách A và T viết phiếu xuất kho nguyên vật liệu lấy đường cát tại kho bao bì phụ liệu nhưng không nhận đường

cát từ kho do P quản lý mà lấy đường cát dư tại chỗ A và T thế vào, P vẫn ghi sổ sách là A và T có nhận đường cát báo công ty. Như vậy, tại kho do P quản lý dư ra 25 tấn đường cát nguyên liệu. Đợi đến ngày công ty nhập đường cát về, P liên hệ người khác mốc nối với tài xế lái xe container chở 25 tấn đường cát đi bán và lấy 25 tấn đường cát dư tại kho của P bù vào. Số tiền bán 25 tấn đường cát có được, sau khi trừ các chi phí, còn lại P được chia một nửa, một nửa còn lại của A và T tương ứng với lượng đường cát dư của mỗi người. P liên hệ bán đường cát trên xe container như thế nào thì A và T không biết.

Sau khi bàn bạc, thống nhất với A và T, P nói cho Huỳnh Hoàng T là công nhân lái xe cho Công ty G nghe nội dung đã bàn với A, T và rủ T cùng thực hiện, nếu bán được đường P sẽ chia tiền, T đồng ý. P phân công T tìm người mua đường cát và hỏi giá đường báo cho P biết.

Đầu tháng 11/2016, P rủ Nguyễn Văn C là phụ kiện kho, Nguyễn Văn Q là tổ trưởng tổ quản lý xe container và Huỳnh Văn T là quản lý tổ xe nâng đến kho. P nói nội dung đã bàn với A và T và rủ cùng thực hiện, P sẽ chia tiền, tất cả đồng ý. P phân công nhiệm vụ từng người như sau: Q theo dõi ngày nào công ty nhập đường cát báo cho P biết và liên lạc rủ tài xế lái xe container cùng thực hiện; T sắp xếp chuyển đường cát trên các xe container còn lại vào kho, nếu có ai hỏi thì nói đã nhập đủ, P sẽ báo trước cho T biết ngày thực hiện và có bao nhiêu container đường cát nhập về công ty; C cùng P đi bán đường cát.

Khoảng 16 giờ ngày 25/11/2016, Q kiểm tra email biết tối ngày 25/11/2016 công ty sẽ nhập 04 container đường cát. Biết Công ty G hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Cơ khí - Ô tô vận tải số 116 (gọi tắt là Công ty 116) vận chuyển hàng hóa, địa điểm nhận hàng hóa là Cảng Cát Lái (thành phố Hồ Chí Minh), địa điểm giao hàng hóa là kho của Công ty G. P nói Nguyễn Văn Q điện thoại cho Nguyễn Văn T là tài xế lái xe container của Công ty 116 cùng thực hiện, sau khi bán sẽ chia cho T 25.000.000 đồng, T đồng ý. Tại thời đểm này, lượng đường tồn dư ra của A và T tại kho của P giữ 22 tấn, P kêu T và A viết phiếu xuất kho nguyên vật liệu đường cát, để phù hợp sổ sách của P.

P tiếp tục điện thoại nói cho Huỳnh Hoàng T biết tối ngày 25/11/2016, công ty nhập 04 container đường cát, P đi bán một container đường cát như kế hoạch và giao cho T tìm người mua. T điện thoại cho ông Phan Văn H nói muốn bán 25 tấn đường cát của bạn tên P, ông H nói để hỏi chỗ khác rồi trả lời sau.

Ông H gọi vào số 0917262129 được bà Nguyễn Lệ Thanh P đồng ý mua 25 tấn đường cát, với giá 11.000đồng/kg. T báo lại cho P biết, P đồng ý bán.

Khoảng 20 giờ ngày 25/11/2016, P điều khiển xe môtô biển số 62F1-013.96 của P, Chuyện điều khiển xe môtô biển số 94G1-087.68 của Q chở Q xuất phát từ nhà P đi đến địa phận huyện B, giáp ranh huyện B để đón xe chở đường cát. Trên đường đi, P chạy xe đến nhà Tuấn mượn 17.000.000 đồng. Sau đó, cả 03 người đi trên 02 xe mô tô đến cây xăng Mery xã M, huyện B, tỉnh Long An. Phía sau có bãi đất trống do bà Ngô Thị Thanh N quản lý, cả 03 ghé vào đón Thuận sang đường cát tại bãi đất trống này. Khoảng 21 giờ ngày 25/11/2016, P vào cây xăng nhờ ông Trần H là nhân viên cây xăng thuê dùm 02 xe tải chở đường cát. Ông H cho P số điện thoại của anh Đặng Minh T ở ấp X, xã L, huyện C, tỉnh Long An là chủ xe tải để P trực tiếp liên hệ. Do xe tải của anh T đang chở hàng nên anh T cho P số điện thoại của anh Ngô Văn H ngụ xã T, huyện C, tỉnh Long An. P liên lạc anh H thuê 02 xe tải chở 25 tấn đường cát từ cây xăng Mery đến khu công nghiệp Tân Tạo giá 200.000 đồng/tấn, anh H đồng ý. Anh H kêu Võ Minh C lái xe ôtô tải biển số 62C-039.98 và Ngô Văn T lái xe ôtô tải biển số 62C-062.70 đến cây xăng Mery chở đường cát cho P lúc 24 giờ.

Sau khi thuê được xe tải, P tiếp tục nhờ ông H thuê người bốc vác 25 tấn đường cát từ xe container sang 02 xe tải, với giá là 3.500.000 đồng. Ông H điện thoại thuê các anh: Đoàn Công L, Huỳnh Lê Hoà K, Trình Văn L, Nguyễn Minh K, Nguyễn Minh M bốc vác đường cát cho P.

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 25/11/2016, T một mình lái xe đầu kéo biển kiểm soát 51C-471.36 kéo theo romooc biển kiểm soát 51R-0274 đến Cảng Cát Lái nhận 01 container đường cát số SKLU 1428145 vận chuyển đến địa điểm hẹn với Q là cây xăng Mery. Khoảng 24 giờ Võ Minh C và Ngô Văn T điều khiển 02 xe tải đến đậu trong bãi đất trống sau cây xăng Mery, 05 công nhân bốc vát cũng đến cây xăng Mery. Khoảng 00h20 ngày 26/11/2016, T lái xe container tới cây xăng Mery, Chuyện đón dẫn T lái xe vào bãi đất trống phía sau cây xăng Mery. P chụp hình xe, chụp hình siêu niêm P trên cửa thùng container rồi kêu T dùng kiềm bấm cắt siêu mở cửa thùng container. Sau đó, 05 công nhân bốc vát chuyển 25 tấn đường cát trong thùng container qua 02 xe tải, gồm: chuyển qua xe tải của Cảnh lái 8,5 tấn và chuyển qua xe tải của Tuấn lái 16,5 tấn, đến khoảng 01h45 chuyển xong, P trả cho ông Hạnh 3.500.000 đồng tiền thuê công

nhân bốc vác. Trả tiền thuê bãi cho bà Nga 200.000 đồng. P kêu Q dẫn T lái xe chở container rỗng đến Công ty G để hợp thức là có đến công ty giao đường cát. Tới công ty, Q kêu T lái xe vào đậu ở vị trí phía trong cổng số 2 của công ty G.

Sau khi chuyển đường cát qua 02 xe tải, P chở Chuyện bằng xe của P dẫn 02 xe tải đến địa điểm giao đường cát. Trên đường đi, P điện thoại cho Kim Sa R chỉ dẫn đường đi đến trước hẻm số 4341 Nguyễn Cửu Phú, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh đậu lại ngủ chờ đến sáng giao đường cát. Khoảng 06 giờ ngày 26/11/2016, Rós dẫn P, Chuyện và 02 xe tải vào kho của Công ty T. Tại đây, các công nhân bốc vác ở kho (không rõ lai lịch) chuyển 20 tấn đường cát qua 02 xe tải khác (không rõ biển số) bên ngoài kho, còn lại 05 tấn chuyển vào trong kho đến khoảng 08 giờ 20 phút chuyển xong, Rós viết biên nhận của P tổng cộng 499 bao đường cát loại 50 kg và kêu P đến địa chỉ số 23 đường số 11, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh lấy tiền. P trả cho T 5.000.000 đồng tiền thuê 02 xe tải, cho công nhân bốc vát 350.000 đồng. Sau đó, P chở C đến số 23 đường số 11, phường A, quận B đợi khoảng 15 phút nhưng không thấy ai đưa tiền. P điện thoại cho ông H, ông H kêu vào nhà lấy. Chuyện đợi phía ngoài, P đi vào nhà gặp một thanh niên (không rõ lai lịch) đưa cho P 274.000.000 đồng. Nhận tiền xong P và Chuyện chở nhau trở về nhà.

Khoảng 08 giờ ngày 26/11/2016, Q điện thoại kêu T lái xe ra khỏi công ty và liên lạc với P nhận tiền, T lái xe ra về và liên lạc với P, P hẹn T đến đầu đường Nguyễn Văn Linh (thành phố Hồ Chí Minh) đợi P đưa tiền. Khoảng 11 giờ, P chia T 25.000.000 đồng tiền bán đường cát có được.

Khi T lái xe container ra khỏi Công ty G, thì Võ Hoàng K là nhân viên bảo vệ của công ty phát hiện xe container do T điều khiển vào công ty khuya ngày 26/11/2016 đến sáng cùng ngày thì rời khỏi công ty nhưng không thấy nhập đường cát vào kho nên nghi vấn và báo cáo đội bảo vệ báo cáo lãnh đạo Công ty G.

Sáng ngày 26/11/2016, Châu Thanh P điện thoại cho Nguyễn Thanh P là nhân viên kho bao bì phụ liệu nói trong ngày có mấy container đường cát nhập vào công ty và kêu Nguyễn Thanh P chụp hình xe, chụp hình siêu, thùng conatiner đường cát gửi qua cho Châu Thanh P và sắp xếp chuyển đường cát vào kho. Châu Thanh P không nói cho Nguyễn Thanh P biết trong ngày nhập bao nhiêu container đường cát và Nguyễn Thanh P cũng không được công ty báo trước trong ngày nhập bao nhiêu container đường cát. Thi Phước L, là công

nhân lái xe nâng phụ trách nâng hàng hóa tại kho bao bì phụ liệu của công ty được điều động nâng đường cát trên container vào kho. T cũng lái xe nâng đến cùng Lộc chuyển đường cát vào kho. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày chuyển hết đường cát trong 03 container vào kho bao bì phụ liệu, không còn container nhập đường cát nữa nên L nghỉ, Lộc không được công ty báo trước trong ngày nhập bao nhiêu container đường cát. Lộc báo cho T biết trong ngày đã chuyển 03 container đường cát vào kho, T biết Châu Thanh P đã chiếm đoạt bán 01 container đường cát như đã bàn bạc và không báo cho công ty biết.

Sáng ngày 27/11/2016, P nghe trong công ty bàn tán nghi công ty mất đường cát nên cùng Chuyện vào kho bao bì phụ liệu sắp xếp đường cát trong kho phù hợp với sổ sách bằng cách để những bao đường cát loại 25 kg phía dưới, khuất phía trong thành dãy, khi công ty có kiểm tra đếm theo dãy đối chiếu sổ sách sẽ không phát hiện thấy thiếu.

Sáng ngày 28/11/2016, P vào công ty viết và ký nhận ở mục thủ kho một phiếu nhập kho nguyên vật liệu đề ngày 26/11/2016: 100 tấn đường cát từ 04 container nhập vào kho bao bì phụ liệu đưa anh Phan Thanh T là cấp trên của P ký duyệt để hợp thức hóa việc T có đến công ty giao 25 tấn đường cát.

Tiền bán 25 tấn đường cát có được, P chia cho chia T 25.000.000 đồng, T 11.000.000 đồng, C 13.000.000 đồng, Tuấn 11.000.000 đồng và trả T 17.000.000 đồng đã mượn, cho ông H 7.000.000 đồng (ông H nhận 4.000.000 đồng, cho T 3.000.000 đồng), trả tiền thuê bốc vác và 02 xe tải 9.050.000 đồng. P giữ 180.950.000 đồng, dự định chia T và A 112.000.000 đồng, Q 13.000.000 đồng, P hưởng là 55.950.000 đồng, nhưng chưa đưa tiền thì bị phát hiện.

* Tại kết luận định giá tài sản số 404/KL-STC ngày 06/02/2017, Sở Tài chính tỉnh Long An kết luận: Giá trị 25 tấn đường cát tinh luyện Super Thailand hiệu MITR PHOL (tối đa 20L) tại thời điểm ngày 26/11/2016 là 368.289.215 đồng.

* Tại bản kết luận giám định số 11/2017/KLGĐ ngày 24/01/2017, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An kết luận:

- Chữ viết trong tờ phiếu nhập kho nguyên vật liệu số 001 của công ty G và chữ ký tại mục thủ kho trong tờ phiếu nhập kho nguyên vật liệu số 001 của công ty G đề ngày 26/11/2016 là chữ viết và chữ ký của Châu Thanh P.

- Chữ viết trong tờ phiếu xuất kho nguyên vật liệu số 015 của công ty G và chữ ký tại mục người lãnh trong tờ phiếu xuất kho nguyên vật liệu số 015 của công ty G đề ngày 18/11/2016 là chữ viết và chữ ký của Võ Trọng A.

- Chữ viết trong tờ phiếu xuất kho nguyên vật liệu số 004 của công ty G và chữ ký tại mục thủ kho trong tờ phiếu xuất kho nguyên vật liệu số 004 của công ty G đề ngày 26/11/2016 là chữ viết và chữ ký của Hồ Quốc T.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HSST ngày 25/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Châu Thanh P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Q, Võ Trọng A, Hồ Quốc T, Huỳnh Hoàng T và Huỳnh Văn T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 140; Điều 20; Điều 53; Điểm b, p Khoản 1; Khoản 2 Điều 46; Điều 45; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Trọng A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 140; Điều 20; Điều 53; Điểm b, p Khoản 1; Khoản 2 Điều 46; Điều 45; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 02 (hai) năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ 20/06/2017 đến 04/08/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt cụ thể cho các bị cáo khác, quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 06/10/2017, bị cáo Huỳnh Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Vào ngày 09/10/2017, bị cáo Võ Trọng A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo trình bày yêu cầu và lý do kháng cáo như sau:

-Bị cáo Võ Trọng A: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng và bản án sơ thẩm đã quy kết. Kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình của bị cáo có nhiều khó khăn (cha, mẹ bị bệnh tim; có một người anh bị tai nạn giao thông phải nằm một chỗ; bị cáo có hai người con còn nhỏ và người vợ không có việc làm);

-Bị cáo Huỳnh Văn T: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng và bản án sơ thẩm đã quy kết. Kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình của bị cáo có nhiều khó khăn (cha, mẹ đều lớn tuổi; bị cáo có hai người con còn nhỏ và là lao động chính trong gia đình; ông bà nội-ngoại là những người có công với đất nước).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến trật tự-trị an và môi trường đầu tư tại Việt Nam.

Trong vụ án nói trên, bị cáo Châu Thanh P là chủ mưu, bị cáo Võ Trọng A là người giúp sức tích cực, trực tiếp pha chế sản phẩm để chiếm đoạt số tài sản (số đường cát) dư thừa của công ty G. Bị cáo Huỳnh Văn T là đồng phạm, nhưng vai trò có phần hạn chế (bị cáo là người quản lý tổ lái xe nâng của công ty G).

Đối với kháng cáo của bị cáo Võ Trọng A, khi xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét vai trò của bị cáo trong vụ án, xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù, là tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo; bị cáo kháng xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo nhưng không có tình tiết, chứng cư gì mới, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo;

Đối với kháng cáo của bị cáo Võ Trọng A, khi xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét và đánh giá vai trò của bị cáo trong vụ án, xử phạt bị cáo 02 năm tù, là tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo; bị cáo kháng xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo

nhưng không có tình tiết, chứng cư gì mới, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét thêm về các tình tiết sau đây khi xem xét kháng cáo của bị cáo: -Bị cáo có nhân thân tốt, được nhiều người dân địa phương ký đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo; bị cáo là lao động chính trong gia đình; gia đình bị cáo có người thân là người có công với đất nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Công ty TNHH thực phẩm G (ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Long An là công ty có vốn đầu tư 99,2% của Đài Loan, ngành nghề kinh doanh là sản xuất, chế biến và gia công các loại trái cây, rau-củ-quả, nông sản các loại.

Thạch dừa và Nha đam là các sản phẩm của công ty. Đối với hai loại sản phẩm này, trong quá trình sản xuất, công ty cho phép độ đường (có trong sản phẩm) được dao động trong một biên độ nhất định. Lợi dụng quy định này, Võ Trọng A, tổ trưởng tổ điều lý, pha chế nước đường sản xuất nha đam và Hồ Quốc T, tổ trưởng tổ điều lý, pha chế nước đường sản xuất thạch dừa, đã sử dụng đường cát nguyên liệu pha chế theo tỷ lệ độ đường thấp trong giới hạn quy định, nhưng làm báo cáo trong sổ sách của công ty là đã pha chế theo tỷ lệ độ đường cao trong giới hạn quy định để từ đó chiếm đoạt số đường cát nguyên liệu thừa ra trong quá trình pha chế hàng ngày (trung bình mỗi ngày thừa ra vào khoảng từ 70 kg đến 100 kg đường cát nguyên liệu).

Tính cho đến tháng 9/2016, lượng đường cát nguyên liệu (dạng nước đường) trong bồn điều lý do Võ Trọng A quản lý đã thừa ra khoảng 7-8 tấn đường và trong bồn điều lý do Hồ Quốc T quản lý dư khoảng 03 tấn đường, A và T nảy sinh ý định chiếm đoạt số đường dư đem bán lấy tiền.

[2] Võ Trọng A và Hồ Quốc T đến gặp Châu Thanh P, là thủ kho bao bì phụ liệu của Công ty G, bàn bạc và thỏa thuận như sau: T và A tiếp tục tích lũy đường cát; khi nào lượng đường cát nguyên liệu dư được 25 tấn (bằng một container đường cát nhập về công ty) thì hợp thức hóa giấy tờ, sổ sách bằng cách Võ Trọng A và Hồ Quốc T viết phiếu xuất kho nguyên vật liệu, lấy đường cát tại kho bao bì phụ liệu nhưng không nhận đường cát từ kho do Châu Thanh P quản lý, mà lấy đường cát dư tại chỗ Võ Trọng A và Hồ Quốc T thay thế vào,

Châu Thanh P vẫn ghi sổ sách là Võ Trọng A và Hồ Quốc T có nhận đường cát báo công ty. Như vậy, tại kho do Châu Thanh P quản lý sẽ thừa ra 25 tấn đường cát nguyên liệu.

Bằng cách thức nói trên, các bị cáo trong vụ án, trong đó có Võ Trọng A (tổ trưởng tổ điều lý, pha chế nước đường sản xuất nha đam của công ty) và Huỳnh Văn T (là tổ quản lý xe nâng của công ty) đã cùng nhau chiếm đoạt 25 tấn đường trị giá 368.289.000 đồng, mang bán và chia nhau tiền để tiêu dùng cho cá nhân mình. Châu Thanh P là người chia tiền; Huỳnh Văn T được chia 11.000.000 đồng; số tiền còn lại sau khi Châu Thanh P chia cho các bị cáo khác, là 180.950.000 đồng, dự định sẽ chia cho Võ Trọng A 112.000.000 đồng nhưng chưa thực hiện thì đã bị phát hiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, tất cả các thiệt hại của công ty TNHH G đã được bồi thường xong, công ty không có yêu cầu gì nữa và đề nghị Tòa án xem xét khoan hồng cho các bị cáo bởi vì việc các bị cáo phạm tội cũng do sự thiếu kiểm tra của công ty.

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận rằng bị cáo Võ Trọng A và Huỳnh Văn T đã phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo Điểm a Khoản 3 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) với một tình tiết định khung hình phạt (chiếm đoạt trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng).

[3] Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc hội và Khoản 3 Điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho phép kể từ ngày 01/01/2018 trở đi, được áp dụng các điều, khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử các hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 nếu các điều, khoản đó quy định hình phạt nhẹ hơn.

So sánh các điều luật tương ứng của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" thì thấy như sau:

-Điểm a Khoản 3 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù cho hành vi chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

-Khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định hình phạt từ

05 năm đến 12 năm tù cho hành vi chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

Như vậy, cùng về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" trong trường hợp chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, hình phạt của Bộ luật Hình sự năm 2015 nhẹ hơn, nên sẽ được áp dụng ngay trong việc xét xử các bị cáo Võ Trọng A và Huỳnh Văn T.

[4] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Võ Trọng A:

-Bị cáo Võ Trọng A là tổ trưởng tổ điều lý, pha chế nước đường sản xuất nha đam của công ty G). Trong quá trình làm việc, bị cáo đã lợi dụng quy định công ty cho phép độ đường (có trong sản phẩm) được dao động trong một biên độ nhất định để câu kết với Châu Thanh P, Hồ Quốc T (tổ trưởng tổ điều lý, pha chế nước đường sản xuất thạch dừa của công ty G) đã sử dụng đường cát nguyên liệu pha chế theo tỷ lệ độ đường thấp trong giới hạn quy định, nhưng báo cáo vớicông ty là đã pha chế theo tỷ lệ độ đường cao trong giới hạn quy định, để từ đó chiếm đoạt số đường cát nguyên liệu thừa ra trong quá trình pha chế hàng ngày (trung bình mỗi ngày thừa ra vào khoảng từ 70 kg đến 100 kg đường cát nguyên liệu). Bị cáo có vai trò là người quản lý sản xuất trong phạm vi công việc của mình trong công ty nhưng đã thực hiện hành vi phạm tội với tính chất là đồng phạm giúp sức tích cực để chiếm đoạt tài sản của công ty G. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò của bị cáo, xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo hình phạt 2 năm 06 tháng tù; hình phạt này là tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không có tình tiết gì mới, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[5] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Huỳnh Văn T:

-Bị cáo Huỳnh Văn T làm việc tại tổ xe nâng đến kho của công ty G, đã tham gia thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm khi được bị cáo Châu Thanh P rủ rê thực hiện. Tuy nhiên, xét vai trò của bị cáo trong vụ án có phần hạn chế, phần tiền được chia là nhỏ (11.000.000 đồng nhưng cũng đã khắc phục toàn bộ), hoàn cảnh của gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, gia đình bị cáo có người thân được tặng thưởng huân chương, huy chương kháng chiến (ông nội được tặng huy chương kháng chiến hạng nhất; bà nội được

tăng huân chương kháng chiến hạng ba), bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo và ăn năn, hối cải, được nhiều người dân địa phương ký đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo (20 người, có sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An). Với những tình tiết như vậy, việc bị cáo xin hưởng án treo là có căn cứ, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 345 và Điều 355 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH

1/Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Trọng A; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn T; sửa bản án số hình sự sơ thẩm số 26/2017/HS-ST ngày 25/09/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về phần áp dụng điều luật đối với hai bị cáo Võ Trọng A và Huỳnh Văn T và sửa bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HS-ST ngày 25/09/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về phần hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Văn T, như sau:

Tuyên bố bị cáo Võ Trọng A và bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội "Lạm dung tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

-Áp dụng Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc hội và Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 3 Điều 175; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Võ Trọng A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

-Áp dụng Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc hội và Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 3 Điều 175; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Huỳnh Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục. Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự trong thời gian thử thách.

2/Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/Về án phí hình sự phúc thẩm: -bị cáo Võ Trọng A phải chịu 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Công an tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Bị cáo tại ngoại (2);
- UBND nơi các bị cáo cư trú (2);
- Lưu (3). HS (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tùng